ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 252 /QĐ-UBND.ĐTXD	*Tân Hồng, ngày tháng 08 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt (điều chỉnh) dự án đầu tư xây dựng công trình đường Tân Thành (Long Sơn Ngọc - Biên giới) đoạn từ bến đò Long Sơn Ngọc đến chợ biên giới Thông Bình, hạng mục: Nền, mặt đường.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 quy định chi tiết về một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng, V/v Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, V/v ban hành quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo Tờ trình số 915/TTr-TCKH.ĐT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (điều chỉnh) dự án đầu tư xây dựng công trình đường Tân Thành (Long Sơn Ngọc - Biên giới) đoạn từ bến đò Long Sơn Ngọc đến chợ biên giới Thông Bình, hạng mục: Nền, mặt đường, với những nội dung như sau:

1. Quy mô đầu tư:

1.1. Quy mô và công suất:

- Loại: Công trình giao thông, cấp IV;
- Cấp kỹ thuật: Đường giao nông thôn cấp A;
- Vận tốc thiết kế: 30km/h;
- Tần suất thiết kế: Hp10%;
- Mô đun đàn hồi Ech ≥ Kcd x Eyc = 1,1 x 91 = 100Mpa;

- Điểm đầu: Cầu qua kênh Tân Thành;
- Điểm cuối: Giáp với đường dẫn cầu qua kênh Cái Cái;
- Chiều dài tuyến chính: 7.896m.

1.2. Mặt cắt ngang tuyến:

- Đoạn từ đường dẫn vào cầu Tân Thành đến bến đò Long Sơn Ngọc (Km0+119,70 - Km1+765):

+ Chiều rộng nền đường: Bnền = 10,0m. (3,0m + 5,5m +1,5m);
+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 5,5m.

- Đoạn từ bến đò Long Sơn Ngọc đến Cuối tuyến (Km1+765 - Km7+896):

+ Chiều rộng nền đường: Bnền = 7,5m. (1,0m + 5,5m +1,0m);
+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 5,5m.

* Kết cấu mặt đường:
- Mođun đàn hồi: Eyc > = 91Mpa;
- Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m2;
- Móng trên đá dăm nước;
- Móng dưới cấp phối đá dăm;
- Trải vải địa kỹ thuật phân cách;
- Nền đất đầm chặt.

1.3. Vỉa hè: (bố trí phía trái tuyến, phía cụm tuyến dân cư): Gạch chịu lực tezzaro;

1.4. Thoát nước: Làm mới Hệ thống thoát nước (Lý trình Km3+929,70 đến Km4+006,40) D=600 vỉa hè; vượt đường tải trọng HL93.

- Cải tạo nối dài các cống hiện trạng phù hợp với nền đường mở rộng.

1.5. Giải pháp thiết kế:

a. Nền đường:

Nền đường hiện hữu là nền đất, sau khi đào đến cao độ thiết kế, tiến hành lu lèn đạt độ chặt K >= 0,90 và Enền >= 25Mpa.

b. Mặt đường:

Đoạn từ đường dẫn vào cầu Tân Thành đến bến đò Long Sơn Ngọc (Km0+119,70 - Km1+765):

- Chiều rộng nền đường: Bnền = 10,0m (3,0m + 5,5m +1,5m);
- Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 5,5m;
- Chiều rộng vỉa hè (phía trái tuyến): Bvỉahè = 3,0m;
- Chiều rộng lề đường gia cố bê tông (phía phải tuyến): Blề = 1,5m;

Đoạn từ bến đò Long Sơn Ngọc đến Cuối tuyến (Km1+765 - Km7+896):

- Quy mô mặt cắt ngang thiết kế:
- Chiều rộng nền đường: Bnền = 7,5m. (1,0m + 5,5m +1,0m);
- Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 5,5m;
- Chiều rộng lề đường (đắp đất): Blề = 1,0m x 2 bên;
- Độ dốc ngang mặt đường: imặt = 3%;
- Độ dốc ngang lề đường: ilề = 4%;
- Hệ số mái taluy đắp: 1:1,5 (cho cả 2 bên).

* Kết cấu mặt đường:
- Mođun đàn hồi: Ech =102Mpa >= Eyc x Kdvcd = 91 x 1,1 = 100,1Mpa.
- Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m2;
- Lớp đá dăm nước dày 12cm, Evl >= 300Mpa, Ech = 102Mpa;

- Lớp CPĐD 0x4 loại 2, dày 15cm, Evl>= 220, K >= 0.98, Ech = 73,2Mpa;
- Lớp CPĐD 0x4 loại 2, dày 15cm, Evl>= 220, K >= 0.98, Ech = 47,9Mpa;
- Trải vải địa kỹ thuật phân cách 12kN/m;
- Nền đất đầm chặt Enền >= 25Mpa.
* Quy mô lề gia cố (phía phải tuyến):
+ Lớp bê tông không cốt thép đá 1x2, dày 10cm, M250 độ sụt 6 - 8cm;
+ Lớp nilong lót;
+ Lề đường đắp đất K >= 0,90.
c. Vỉa hè: (bố trí phía trái tuyến (phía cụm tuyến dân cư) rộng vỉa hè: 3,0m
- Kết cấu vỉa hè:
+ Gạch chịu lực tezzaro 400x400x32mm;
+ Bê tông lót đá 1x2 M150 dày 6cm;
+ Lớp nilong lót;
+ Lớp cát đệm dày 10cm, đầm chặt K >= 0.90.
- Bó vỉa:
+ Bề rộng bó vỉa: 0,20m;
+ Bó vỉa bê tông đá 1x2 M250 KT 350x220x100mm;
+ Lớp bê tông lót đá 1x2 M150.
- Bó nền:
+ Bề rộng bó nền: 0,200m;
+ Bó nền xây gạch thẻ dày 200 KT 4x8x19mm vữa XM M75;
+ Lớp bê tông lót đá 1x2 M150.
d. Gia cố:
- Tường chắn đất bằng BTCT:
+ Chiều dài xây tường chắn đất bằng BTCT (tại Km6+911): L = 40,0m;
+ Kết cấu tường chắn đất;
+ Bê tông cốt thép đá 1x2 M250;
+ Bê tông lót đá 1x2 M150.
- Gia cố nền đường: cừ tràm sen kẻ cừ bạch đàn những đoạn sát bờ kênh, ao mương lớn, sâu, chiều cao đắp tương đối lớn. Đóng 2 hàng cừ bạch đàn dài L = 6m gia cố, mật độ cách khoảng 1m/cây, cừ tràm dài L = 4,5m; Dngọn >= 4,2cm, đóng hai hàng so le 12 cây/md; thép neo phi 8mm dài 2,5m C/K 1m/1mối buộc; kết hợp với lưới B40 và vải địa kỹ thuật 12 kN/m (vị trí xem bình đồ).
e. Cống thoát nước:
- Làm mới Hệ thống thoát nước (lý trình Km3+929,70 đến Km4+006,40):
+ Hướng thoát nước: nước mưa mặt đường và nước sinh hoạt được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước hiện trạng dọc theo tuyến, thoát ra cửa xả phi 600 hướng ra sông; độ dốc dọc cống thoát nước là 3‰.
+ Cống thoát nước sử dụng cống BTLT có đường kính phi 600 vỉa hè và cống phi 600 loại cống vượt đường tải trọng HL93 (H30-XB80).
+ Gối cống vỉa hè bằng bê tông cốt thép đúc sẵn; mối nối cống vỉa hè bằng Joint cao su.
+ Gối cống vượt đường bê tông cốt thép đổ tại chổ; mối nối cống vượt đường bằng BTCT. Nền gia cố cừ đá (0,1x0,1x1,5)m mật độ 9 cây/m2.
- Hố thu nước mặt đường:
+ Hố thu nước bằng BTCT đá 1x2; f'c = 20Mpa.

+ Số lượng cửa thu nước xây dựng mới: 74 cái.
+ Kích thước cửa thu nước: 900x450x350mm.
+ Bố trí nắp gang chắn rác chịu tải trọng 25 tấn.
- Nối cống D1000, L=3m tại 5 vị trí:
+ Cống kênh Bà 2-1 (Đường nước tập đoạn 8) (Km3+524,4);
+ Cống Cà Vàng 1(nhà ông Bé) (Km5+594,3);
+ Cống Cà Vàng 2 (Km5+736,9);
+ Cống Thị Đình (Km6+980,4);
+ Cống Ấp Bồ 9 (Km7+334,5).
f. Hệ thống đảm bảo an toàn giao thông:
- Đường bộ: Trụ, biển báo, cọc tiêu, tường hộ lan, vạch sơn kẻ đường theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT;

2. Tổng mức đầu tư: 39.086.848.000 đồng (ba mươi chính tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trong đó:

Chi phí xây dựng:	26.528.133.000	đồng
Chi phí QLDA:	592.952.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐT XD	1.618.951.000	đồng
Chi phí khác:	473.102.000	đồng
Chi phí GPMB:	8.413.053.000	đồng
Chi phí dự phòng:	1.460.657.000	đồng

Điều 2. Ban Quản lý Dự án & PTQĐ là Chủ đầu tư có trách nhiệm lập đầy đủ các thủ tục, hồ sơ đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định hiện hành. Triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án đúng tiến độ, đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư thuộc Quyết định số 286/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND Huyện; Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế & Hạ tầng, Kho bạc Nhà nước, Ban Quản lý Dự án & PTQĐ và Ủy ban nhân dân xã Thông Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND Huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, NC (T.N.Khang).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Nhã